

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

Số: 2396/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa
thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước
tỉnh Bắc Ninh năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hóa 40 thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể:

1. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ: 03;
2. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Xây dựng: 02;
3. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Nội vụ: 08;
4. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Công Thương: 01;
5. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 19;
6. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông: 04;
7. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo: 01;
8. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 02.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao các đơn vị có TTHC thuộc chức năng quản lý được phê duyệt tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thực thi phương án đơn giản hóa

TTHC hoặc dự thảo văn bản trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành để thực thi theo phương án đơn giản hóa được phê duyệt.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị tại Điều 1 thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ tướng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Qu*

- Như Điều 4;
- Cục KS TTHC - VPCP (đề b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Tuấn

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
TRONG HỆ THỐNG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH BẮC NINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh

I. TTHC nội bộ thuộc chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Thủ tục: Thủ tục đề nghị xét, đánh giá, công nhận mức độ ảnh hưởng cấp tỉnh của sáng kiến

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị giảm thành phần hồ sơ:
- + Biên bản họp Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở;
- + Ý kiến phản biện của chuyên gia (nếu có).

- Lý do: Trước khi ban hành Quyết định công nhận sáng kiến, Hội đồng sáng kiến cơ sở phải tiến hành họp đánh giá (có biên bản họp và ý kiến phản biện của chuyên gia tham gia Hội đồng). Vì vậy, đơn vị cơ sở không phải nộp biên bản họp Hội đồng và ý kiến phản biện của chuyên gia về Sở Khoa học và Công nghệ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi mục “1. Hồ sơ gồm” trong phần “I. Đối với sáng kiến đề nghị Hội đồng Sáng kiến tỉnh xét, đánh giá, công nhận” tại Hướng dẫn số 133/HD-SKH-CN ngày 12/4/2016 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, đánh giá, công nhận sáng kiến.

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện từ năm 2024

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm giấy tờ đơn vị phải chuẩn bị để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Chi phí tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

- Chi phí tiết kiệm: 350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

2. Thủ tục: Quy trình đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: Giảm 01 ngày (từ 10 ngày xuống còn 09 ngày).

- Lý do: Đẩy nhanh tiến độ thực thi nhiệm vụ.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 2 Điều 27 Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện từ năm 2024.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 10% thời gian giải quyết TTHC.

3. Thủ tục: Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: Giảm 01 ngày (từ 05 ngày xuống còn 04 ngày).

- Lý do: Đẩy nhanh tiến độ thực thi nhiệm vụ.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa Khoản 3 Điều 31 Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện từ năm 2024.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 20% thời gian giải quyết TTHC.

II. Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Xây dựng

1. Thủ tục: Giải quyết sự cố cấp I công trình xây dựng thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian giải quyết trong quy trình thực hiện tại “Bước 4: Xây dựng dự thảo, ban hành văn bản báo cáo, tham mưu UBND tỉnh giải quyết sự cố công trình” với nội dung công việc “Hoàn thiện, ban hành báo cáo giám định nguyên nhân sự cố trong trường hợp phải giám định nguyên nhân sự cố công trình” từ 05 ngày làm việc còn 04 ngày làm việc.

- Lý do: Thủ tục giải quyết sự cố công trình có tính chất cấp bách.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Thực hiện ngay sau khi Quyết định được ban hành.

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện từ năm 2024.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 20% thời gian giải quyết đối với quy trình thực hiện TTHC.

2. Thủ tục: Giải quyết sự cố cấp II, cấp III công trình xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian giải quyết trong quy trình thực hiện tại “Bước 4: Xây dựng dự thảo văn bản tham mưu UBND cấp huyện chỉ đạo giải quyết sự cố công trình, báo cáo UBND tỉnh” với nội dung công việc “Hoàn thiện, ban hành báo cáo giám định nguyên nhân sự cố trong trường hợp phải giám định nguyên nhân sự cố công trình” từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

- Lý do: Thủ tục giải quyết sự cố công trình có tính chất cấp bách.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Thực hiện ngay sau khi Quyết định được ban hành.

- Lộ trình thực hiện: Thực hiện từ năm 2024.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giảm 20% thời gian giải quyết đối với quy trình thực hiện TTHC.

III. Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Nội vụ

1. Thủ tục: Xếp lương lần đầu đối với cán bộ cấp xã

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định

- Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 33,3 %.

2. Thủ tục: Chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định

- Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 33,3 %.

3. Thủ tục: Nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức cấp xã đã thông báo nghỉ hưu

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định

- Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 33,3 %.

4. Thủ tục: Nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức cấp xã do lập thành tích xuất sắc

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 33,3 %.

5. Thủ tục: Nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, Chủ tịch UBND tỉnh quản lý, thẩm quyền quyết định của Giám đốc sở

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ

- Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 33,3 %.

6. Thủ tục: Nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ

- Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 33,3 %.

7. Thủ tục: Nâng bậc lương thường xuyên thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ

- Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 33,3 %.

8. Thủ tục: Thỏa thuận chuyển công tác viên chức từ các cơ quan, đơn vị trong tỉnh ra ngoài tỉnh

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ.

- Lý do: Nhằm cắt giảm thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện: 33,3 %.

IV. TTHC nội bộ thuộc chức năng quản lý của Sở Công thương

1. Thủ tục: Xin ý kiến thỏa thuận tuyến đường dây và vị trí trạm biến áp 110kV theo quy hoạch phát triển điện lực được duyệt

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thành phần hồ sơ: Quyết định (hoặc văn bản) phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực của tuyến đường dây và trạm biến áp đề nghị thỏa thuận tuyến.

- Lý do: Thành phần hồ sơ này đã được lưu giữ tại cơ quan hành chính nhà nước, chỉ cần bổ sung thêm thông tin Quyết định (hoặc văn bản) phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực của tuyến đường dây và trạm biến áp, đề nghị thỏa thuận tuyến vào Văn bản xin ý kiến của Sở Công thương để các cơ quan có liên quan thẩm định, xác minh.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Xây dựng mẫu văn bản xin ý kiến của Sở Công thương trong đó có thông tin Quyết định (hoặc văn bản) phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực của tuyến đường dây và trạm biến áp đề nghị thỏa thuận tuyến.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ giảm sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/TTHC.

V. TTHC nội bộ thuộc chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.1. Tên TTHC nội bộ, nội dung đơn giản

Stt	Tên TTHC	Số ngày thực hiện theo quy định	Số ngày thực hiện sau rà soát, đơn giản	Tỷ lệ thời gian cắt giảm (%)
I	Cấp Tỉnh			
1	Quyết toán hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm đối với lợn	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
2	Quyết toán hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm đối với bò	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
3	Quyết toán hỗ trợ cho cơ sở chọn tạo, nuôi giữ giống gà Hồ	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
4	Quyết toán hỗ trợ kinh phí mua giống cá bố mẹ để bổ sung, thay thế đàn cá bố mẹ	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
5	Quyết toán hỗ trợ vắc xin, vật tư, hoá chất	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
6	Quyết toán hỗ trợ người làm công tác phòng, chống dịch	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
7	Quyết toán hỗ trợ kinh phí tập huấn và ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
8	Quyết toán hỗ trợ xây dựng mô hình	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
9	Quyết toán hỗ trợ kinh phí mua chế phẩm sinh học, hoá chất để xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
10	Quyết toán hỗ trợ cộng tác viên kiểm lâm	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
11	Bổ sung danh mục hỗ trợ	22 ngày làm việc	19 ngày làm việc	13,6

12	Ban hành danh mục hỗ trợ	16 ngày làm việc	13 ngày làm việc	18,7
II Cấp huyện				
1	Quyết toán hỗ trợ giống các vùng sản xuất lúa năng suất cao, chất lượng cao tập trung	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
2	Quyết toán công tiêm phòng, công phun hoá chất, xăng phun hoá chất để vệ sinh khử trùng tiêu độc	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
3	Quyết toán hỗ trợ công, vật tư, phương tiện phục vụ tiêu huỷ gia súc, gia cầm	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
4	Quyết toán hỗ trợ kinh phí mua vôi để khử trùng tiêu độc môi trường	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
5	Quyết toán hỗ trợ người làm công tác phòng, chống dịch	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
6	Quyết toán hỗ trợ kinh phí tập huấn và ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8
7	Quyết toán hỗ trợ xây dựng mô hình	25 ngày làm việc	23 ngày làm việc	8

1.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện và thời gian giải quyết TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Việc giải quyết TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được nhanh chóng; Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 8% đến 18,7%.

VI. TTHC nội bộ thuộc chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thủ tục: Đăng ký và thông báo tổ chức Hội nghị truyền hình trực tuyến

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Phân cấp đơn vị giải quyết TTHC từ Sở Thông tin và Truyền thông sang Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông) giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC.

- Lý do: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp vận hành, quản trị hệ thống.

Quy trình hiện tại: Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, ban hành công văn tiếp nhận thông báo đồng thời, chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phối hợp, hỗ trợ kỹ thuật với đơn vị đăng ký tổ chức Hội nghị truyền hình trực tuyến. Thực hiện phân cấp cắt giảm quy trình chuyển hồ sơ từ Sở Thông tin và Truyền thông đến Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông để thực hiện TTHC, giảm chi phí thực hiện tại bước chuyển hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 1 Điều 9 Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến về cơ quan thực hiện “Sở Thông tin và Truyền thông” thành Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC.
- Chi phí tiết kiệm sau đơn giản quy trình thực hiện TTHC: 50.000 đồng/TTHC.

2. Thủ tục: Cho phép các đơn vị thuộc khối cơ quan nhà nước được đầu nối, sử dụng hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng tập trung của tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Phân cấp đơn vị giải quyết TTHC từ Sở Thông tin và Truyền thông sang Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông) giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC.

- Lý do: Hiện tại, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đơn vị đầu mối quản trị, thanh toán, giám sát, duy trì hoạt động hệ thống mạng TSLCD tập trung của tỉnh.

Quy trình hiện tại: Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện. Thực hiện phân cấp cắt giảm quy trình chuyển hồ sơ từ Sở Thông tin và Truyền thông đến Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực tiếp tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cho phép việc kết nối.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa Khoản 1 Điều 11 Quyết định 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ “Sở Thông tin và Truyền thông” thành Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC.

- Chi phí tiết kiệm sau đơn giản quy trình thực hiện TTHC: 50.000 đồng/TTHC.

3. Thủ tục: Khắc phục sự cố an toàn thông tin

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Phân cấp đơn vị giải quyết TTHC từ Sở Thông tin và Truyền thông sang Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông) giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC.

- Lý do: Hiện tại, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp phối hợp với các đơn vị trong việc khắc phục sự cố an toàn thông tin

Quy trình hiện tại: Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận báo cáo sự cố an toàn thông tin của các đơn vị, chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phối hợp khắc phục, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông. Quy trình sau khi thực hiện phân cấp: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực tiếp tiếp nhận báo cáo sự cố an toàn thông tin, đồng thời phối hợp khắc phục sự cố, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông. Với việc phân cấp này việc giải quyết TTHC được kịp thời, nhanh chóng.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 2 Điều 11 Quyết định 21/2019/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, đơn vị giải quyết TTHC từ Sở Thông tin và Truyền thông thành Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông)

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Giúp cắt giảm quy trình giải quyết TTHC.

- Chi phí tiết kiệm sau đơn giản quy trình thực hiện TTHC: 50.000 đồng/TTHC.

4. Thủ tục: Cấp mới, tạm khóa, hủy bỏ tài khoản thư điện tử công vụ

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Sửa đổi mẫu công văn đăng ký cấp mới, tạm khóa và hủy bỏ tài khoản thư điện tử công vụ (bỏ trường thông tin về Ngày sinh, Giới tính)

- Lý do: Một số trường thông tin không thiết yếu hoặc có thể tra cứu thông qua số CMND/CCCD, đơn giản hóa các bước quy trình cá nhân phải thực hiện.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Phụ lục 2 Quy chế Quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành theo Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giúp giảm thiểu thông tin cần khai báo của các cơ quan, đơn vị khi có nhu cầu đăng ký cấp mới, tạm khóa và hủy bỏ tài khoản thư điện tử công vụ.

- Chi phí tiết kiệm sau đơn giản quy trình thực hiện TTHC: 25.000 đồng/TTHC.

VII. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Thủ tục: Lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa quy trình giải quyết TTHC, rút ngắn từ quy trình 4 bước thực hiện còn 3 bước thực hiện, đơn giản các khâu thực hiện ở bước 1 và bước 2 như: họp chuyên môn, bỏ phiếu, đề xuất... rút ngắn thành một bước thực hiện tại các cơ sở giáo dục.

- Lý do: Giao quyền tự chủ việc lựa chọn sách giáo khoa cho cơ sở giáo dục.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Ban hành Văn bản hướng dẫn, trình tự thực hiện TTHC nội bộ, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC theo phương án đơn giản theo nội dung “Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa của cơ sở giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông hoặc Giám đốc

trung tâm giáo dục thường xuyên, Giám đốc Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông) thành lập, giúp người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức lựa chọn sách giáo khoa. Mỗi cơ sở giáo dục phổ thông thành lập 01 Hội đồng. Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học, mỗi cấp học thành lập 01 Hội đồng”.

- Lộ trình thực hiện: Từ năm học 2024-2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.000.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 500.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

VIII. TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Thủ tục: Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Bắc Ninh thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh/UBND tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Mẫu hoá thành phần hồ sơ quy định trong TTHC: Biên bản họp Hội đồng tư vấn (theo Mẫu 01); Đề án đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng (theo Mẫu 02); Tờ trình của Hội đồng tư vấn (theo Mẫu 03); Tờ trình của UBND cấp huyện (theo Mẫu 04).

- Lý do: Cụ thể hoá, công khai, minh bạch các nội dung, thông tin cần cung để cơ quan nhà nước dễ dàng thực hiện, đảm bảo thống nhất các thông tin kê khai; tiết kiệm thời gian tìm hiểu TTHC; tránh sự tùy tiện trong việc chuẩn bị hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11, Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 350.000 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

2. Thủ tục: Đặt tên, đổi tên đường trong các khu công nghiệp, dự án; đặt tên, đổi tên các công trình công cộng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Mẫu hoá thành phần hồ sơ quy định trong TTHC: Biên bản họp Ban (theo Mẫu 01); Đề án đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng (theo Mẫu 02); Tờ trình của Hội đồng tư vấn (theo Mẫu 03); Tờ trình của UBND cấp huyện (theo Mẫu 04).

- Lý do: Cụ thể hoá, công khai, minh bạch các nội dung, thông tin cần cung để cơ quan nhà nước dễ dàng thực hiện, đảm bảo thống nhất các thông tin kê khai; tiết kiệm thời gian tìm hiểu TTHC; tránh sự tùy tiện trong việc chuẩn bị hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 11, Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2024.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ tiết kiệm thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 350.000 đồng/TTHC.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20 %.

Mẫu 1

UBND TỈNH BẮC NINH
**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐẶT TÊN,
 ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CTCC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN/BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
Thẩm định Đề án “Đặt tên, đổi tên,... đường, tên

Hôm nay, vào hồi, ngày tháng năm, tại, Hội đồng Tư vấn /Ban xây dựng Đề án đặt tên đường, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Bắc Ninh tổ chức phiên họp thẩm định Đề án “ Đặt tên, đổi tên đường, tên phố”, gồm những nội dung sau:

I. Thành phần

1. Thành viên Hội đồng tư vấn theo quyết định: người.

- Số thành viên có mặt: người.

- Số thành viên vắng mặt:người (Có lý do).

- Chủ trì cuộc họp: - Chủ tịch Hội đồng.

2. Mời: Ông, Lãnh đạo UBND cấp huyện tham gia Hội đồng.

Như vậy, tổng số thành viên hội đồng có mặt là người.

3. Thư ký.....

II. Nội dung phiên họp

Căn cứ Tờ trình số .../TTr-UBND ngày của UBND cấp huyện về việc đề nghị thẩm định, thông qua và phê duyệt Đề án “Đặt tên, đổi tên đường, tên phố

- Hội đồng Tư vấn tỉnh đã tiến hành thẩm định Đề án với các nội dung sau:
1. Ông- Chủ tịch Hội đồng quán triệt nội dung phiên họp Hội đồng.
 2. Ông, Lãnh đạo cấp huyện: Báo cáo nội dung tờ trình,.....
 3. Ông, đọc Báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Cơ quan Thường trực Hội đồng về kết quả thẩm định hồ sơ Đề án.

4. Hội đồng thảo luận:

Các thành viên Hội đồng đã thảo luận, đóng góp ý kiến cho tổng thể nội dung Đề án của UBND cấp huyện trình.

Có ý kiến của các thành viên Hội đồng đóng góp cho Đề án. Các ý kiến thảo luận tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

- Thứ nhất,

- Thứ hai,

5. Ý kiến giải trình của Cơ quan Thường trực Hội đồng và UBND cấp huyện

Cơ quan Thường trực Hội đồng và UBND cấp huyện tiếp thu những ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng Tư vấn, bổ sung, hoàn thiện các nội dung theo đóng góp đề trình UBND tỉnh.

III. Kết quả biểu quyết của Hội đồng Tư vấn/Ban xây dựng Đề án

Sau khi thảo luận, đóng góp ý kiến, Hội đồng Tư vấn/Ban xây dựng Đề án tiến hành lấy biểu quyết kết quả thẩm định Đề án bằng phiếu kín. Kết quả như sau:

1. Về phương án đặt tên mới cho....tuyến đường, tuyến phố:

- Có/... phiếu của thành viên có mặt nhất trí (đạt%):

2. Về phương án đổi tên cho.....tuyến đường, tuyến phố:

- Có/... phiếu của thành viên có mặt nhất trí (đạt%):

3. Về phương án điều chỉnh tên đường, tên phố cũ:

- Có/... phiếu của thành viên có mặt nhất trí (đạt%):

IV. Kết luận của Chủ tịch Hội đồng

1. Nhất trí để UBND cấp huyện hoàn thiện Đề án “Đặt tên, đổi tên đường, tên phố.....” để Hội đồng Tư vấn trình UBND tỉnh với các nội dung chính:

- Đặt tên mới:tuyến đường, tuyến phố.

- Đổi tên:tuyến đường, tuyến phố.

- Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối của tuyến đường,tuyến phố;

2. Giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch - Cơ quan Thường trực của Hội đồng Tư vấn hướng dẫn, hoàn thiện Hồ sơ Đề án để trình UBND tỉnh vào kỳ họp tháng .../ năm....

Cuộc họp kết thúc vào hồi cùng ngày./.

THƯ KÝ

**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN/
BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)**

Mẫu 02

Mẫu đề cương: Đề án đặt, đổi tên,... tên đường, tên phố cấp huyện (có thể tham khảo)

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án;
2. Căn cứ thực tiễn

PHẦN II

THỰC TRẠNG ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN....

I. SƠ LƯỢC VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỊA BÀN

II. THỰC TRẠNG ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN..

1. Mục đích, yêu cầu;
2. Nguyên tắc đặt tên đường, phố
3. Quy cách biên tên đường, phố

II. PHƯƠNG ÁN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN..

III. THUYẾT MINH Ý NGHĨA TÊN ĐƯỜNG, PHỐ

PHẦN IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC

II. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

III. THỜI GIAN

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

PHẦN V

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

II. KIẾN NGHỊ

UBND CẤP HUYỆN
 BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ĐẶT
 TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ
 VÀ CÔNG TRÌNH CC
 Số: _____ /TTr-HĐT_V

Mẫu 3
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt Đề án “Đặt tên, đổi tên... đường, phố
 và công trình công cộng ...”**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, tên phố và công trình công cộng tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ kết quả phiên họp ngày của Ban Xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, tên phố và công trình công cộng về thẩm định Đề án “Đặt tên, đổi tên đường, phố và các công trình công cộng”;

Hội đồng Tư vấn kính trình UBND tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

- Quyết định số 05/2005/QĐ-BXD ngày 08/3/2006 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chế đánh số và gắn biển số nhà;

- Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Qui định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 91/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đề án Ngân hàng dữ liệu tên đường, tên phố và công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt bổ sung dữ liệu Đề án “Ngân hàng dữ liệu tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh” năm 2022;

- Căn cứ các Quyết định phê duyệt quy hoạch

- Bản đồ quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết, hiện trạng hệ thống giao thông trên địa bàn

III. QUY TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

UBND cấp huyện... đã thực hiện đầy đủ quy trình xây dựng Đề án được quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

UBND cấp huyện.....đã thực hiện các bước:

Bước 1: Khảo sát, đánh giá hiện trạng tuyến đường cần đặt tên; lựa chọn tên dự kiến đặt.

Bước 2: Xin ý kiến của Ban Thường vụ thành ủy, huyện ủy..., Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, thành phố...; cơ quan chuyên môn về lịch sử, văn hóa của huyện; các nhà khoa học. Công bố công khai phương án điều chỉnh, đặt tên, đổi tên đường, phố trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân đóng góp ý kiến.

Bước 3: Trình Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh tổ chức phiên họp thẩm định Đề án.

Bước 4: Thường trực Hội đồng Tư vấn tỉnh phối hợp với UBND cấp huyện.... bổ sung, hoàn thiện hồ sơ Đề án trình UBND tỉnh.

IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN

Đề án “Đặt tên, đổi tên... đường, phố và các công trình công cộng” gồm các nội dung:

(VD:

1. *Phần mở đầu:* Sự cần thiết và căn cứ xây dựng đề án

2. *Phần thứ hai:* Các nguyên tắc xây dựng đề án

3. *Phần thứ ba:* Nội dung đề án, gồm:

- Phương án đặt tên....;

- Phương án đổi tên....;

- Phương án điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối tuyến đường, phố;

Tổng số tên địa danh, nhân vật lịch sử,... được sử dụng điều chỉnh, đặt tên, đổi tên đường, phố trong Đề án đều thuộc “Ngân hàng dữ liệu tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh” đã được phê duyệt.

4. *Phần thứ tư: Kết luận và kiến nghị*

(Kèm theo Đề án bao gồm: Phụ lục: Đổi tên, đặt tên, ... đường, tên phố; Trích yếu danh nhân, địa danh dự kiến đặt tên đường, phố; Bản đồ tổng thể tên đường, phố)

V. NHỮNG NỘI DUNG XIN Ý KIẾN UBND TỈNH

Hội đồng Tư vấn tình hình UBND tỉnh cho phép UBND cấp huyện..... được:

- Đổi tên ... tuyến phố, tuyến đường.... *(có phụ lục gửi kèm)*;
 - Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối*(có phụ lục gửi kèm)*;
 - Đặt tên.....tuyến phố, tuyến đường.....*(có phụ lục gửi kèm)*;
 - Đặt tên mới tuyến phố, tuyến đường.... thuộc... *(có phụ lục gửi kèm)*;
- Tổng sốtên được sử dụng đặt tên, đổi tên đường, phố, trong đó:
- tuyến mang tên danh nhân, nhân vật lịch sử là người Bắc Ninh;
 -tuyến mang tên địa danh địa phương;

.....

(Phương án Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng của UBND cấp huyện.....có báo cáo chi tiết, cụ thể trong Đề án)

Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Bắc Ninh kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, TTHĐT.V.

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

(Ký, ghi rõ chức danh, họ và tên)

Mẫu 04

UBND CẤP HUYỆN
**BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ĐẶT
 TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ
 VÀ CÔNG TRÌNH CC**
 Số: _____/TTTr-BXDĐA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**Về việc xin ý kiến thẩm định Đề án “Đặt tên, đổi tên... đường, phố
 và công trình công cộng ...”**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, tên phố và công trình công cộng tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 05/2005/QĐ-BXD ngày 08/3/2006 của Bộ Xây dựng về ban hành quy chế đánh số và gắn biển số nhà;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Qui định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 91/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đề án Ngân hàng dữ liệu tên đường, tên phố và công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt bổ sung dữ liệu Đề án “Ngân hàng dữ liệu tên đường, tên phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh” năm 2022;

...

- Căn cứ các Quyết định phê duyệt quy hoạch
 - Bản đồ quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết
- hiện trạng hệ thống giao thông trên địa bàn

Để việc Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng cấp huyện bảo đảm đúng quy trình, quy định. Ban xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng cấp huyện đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng cho ý kiến thẩm định về Đề án “Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng cấp huyện”.

Nội dung xin ý kiến thẩm định:

- Đổi tên ... tuyến phố, tuyến đường.... (có phụ lục gửi kèm);
 - Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối(có phụ lục gửi kèm);
 - Đặt tên.....tuyến phố, tuyến đường.....(có phụ lục gửi kèm);
 - Đặt tên mới tuyến phố, tuyến đường.... thuộc... (có phụ lục gửi kèm);
- Tổng sốtên được sử dụng đặt tên, đổi tên đường, phố, trong đó:
- tuyến mang tên danh nhân, nhân vật lịch sử là người Bắc Ninh;
 -tuyến mang tên địa danh địa phương;

...

(Phương án Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng của UBND cấp huyện.....có báo cáo chi tiết, cụ thể trong Đề án)

Ban xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình cấp huyện đề nghị Hội đồng tư vấn Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Bắc Ninh xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, BXDDA.

**BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN ĐẶT TÊN,
ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG
TRÌNH CC CẤP HUYỆN**

(Ký, ghi rõ chức danh, họ và tên)

